

VẤN ĐỀ DÂN SỐ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở TÂY NGUYÊN

PHẠM THANH KHIẾT

Dân số và sự phát triển dân số là một trong những nhân tố tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế, xã hội của một đất nước. Các nhà khoa học trên thế giới đã tính rằng, nếu dân số tăng lên 1%, phải có mức tăng trưởng kinh tế từ 3 - 4% mới đảm bảo sự phát triển bình thường. Mức tăng dân số tỷ lệ nghịch với mức thu nhập bình quân đầu người. Đây là vấn đề có tính quy luật.

Tây Nguyên, nơi có nhiều dân tộc anh em sinh sống lâu đời, mặc dù nhiều tài nguyên nhưng vẫn còn trong tình trạng lạc hậu, kém phát triển, mà nguyên nhân trong đó không thể không tính đến vấn đề dân số. Qua điều tra đội ngũ cán bộ cơ sở, có kết quả như sau^(*):

- Số gia đình hai thế hệ chiếm 54,9%, 3 thế hệ: 29,1%, trên 3 thế hệ: 5,7%.

- Số con: gia đình 1 con 6,6%, gia đình 2 con 19,7%, gia đình 3 con 20%, gia đình 4 con trở lên chiếm 41,7%.

Đặc điểm về tổ chức gia đình của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên là có nhiều thế hệ cùng sống chung và có nhiều người ăn theo, nhất là trẻ con. Vì vậy thấp tuổi trẻ cao.

Mức tăng dân số của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên trên dưới 3%, một trong những vùng cao nhất nước. Dân số tăng bằng 2 con đường, tăng cơ học và tăng tự nhiên.

Những năm gần đây các tỉnh Tây Nguyên đã dung nạp một bộ phận đồng bào các dân tộc ở miền núi phía Bắc di dân vào như Mường, Thái, Thổ... Đến nay ở Đaklak đã có 15 vạn đồng bào các dân tộc ở miền núi phía Bắc di cư tự do vào (báo Lao Động, 26-10-1995 trang 3). Tuy nhiên con đường tăng cơ học có mức độ và không phải là yếu tố chính. Tỷ lệ tăng dân số cao chủ yếu do sinh sản tự nhiên. Có thể tìm thấy nguyên nhân của mức tăng dân số cao ở các dân tộc ít người Tây Nguyên như sau:

- Nền kinh tế tự nhiên, sản xuất nông nghiệp lạc hậu, lao động thủ công nặng nhọc đòi hỏi phải có nhiều lao động cho gia đình. Đây là nguyên nhân sâu xa đối với bất cứ dân tộc nào. Nền sản xuất càng lạc hậu, lao động sản xuất càng nặng nhọc thì nhu cầu người lao động càng tăng. Hiện nay ở nhiều vùng nông thôn đồng bằng, việc sinh sản tự nhiên vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao nhằm để có người lao động. Ở Tây Nguyên qua cuộc điều tra vừa rồi cho thấy đây là nguyên nhân đầu tiên các gia đình phải sinh nhiều con. Việc phát rừng làm nương, gieo trồng, làm cỏ, thu hoạch bằng hai bàn tay với cái cuốc, con dao trên những đồi nương mệnh mông cần có nhiều lao động. Vì vậy có 10,6% số người được hỏi trả lời phải sinh nhiều con.

- Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần kém phát triển.

Về đời sống vật chất: Cục Thống kê Gia Lai điều tra phân loại hộ gia đình theo 3 tiêu chí cho thấy:

+ Mức thu nhập bình quân đầu người một tháng:

Ở người Kinh là 136,32 nghìn đồng/tháng, tương tự người Gia-rai: 53,54 nghìn đồng, người Ba-na: 63,83 nghìn đồng.

+ Mức vốn tài sản và đồ dùng bình quân một nhân khẩu theo tỷ lệ %: người Gia-rai có mức bình quân thấp từ 0,6 - 3 triệu đồng/người chiếm 92,36%; người Ba-na: 93,57%.

+ Mức sống: Người Gia-rai có tỷ lệ hộ nghèo chiếm 71,45%, trung bình: 17,48%, khá: 1,03%. Người Ba-na số hộ nghèo chiếm 41,79%, trung bình 52,23%, khá: 6,89%.

Ở Đaklak và Kom-tum, tình hình cũng tương tự.

Về đời sống văn hóa tinh thần: Hiện nay các hoạt động văn nghệ, phim ảnh, các phương tiện nghe nhìn còn ít ỏi nhất là ở vùng cao, vùng sâu. Các tổ chức đoàn thể hầu như không sinh hoạt. Vào ban đêm, làng bản, rừng núi tĩnh lặng không có hoạt động gì, y tế, trường học bị xuống cấp. Tình trạng mù chữ và tái mù phổ biến. Ở Đaklak, số người mù chữ trong độ tuổi đi học của người Ê-đê: 57,13%, người Mạ: 64,74%, người Mơ-nông: 57,32%, người Gia-rai: 70,6%, người Bru - Vân Kiều: 63,52%.

Kinh nghiệm nước ta và các nước cho thấy tỷ lệ sinh đẻ giảm dần khi trình độ văn hóa tăng lên. Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của các dân tộc Tây Nguyên còn thấp nên mức tăng dân số cao. Theo kết quả điều tra, nguyên nhân sinh nhiều con do tập tục địa phương chiếm 27,7%; do trình độ văn hóa thấp: 42,3%. Cụ thể số con ứng với trình độ văn hóa sau:

	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cao đẳng	Đại học
2 con	13,5%	17,4%	24,2%	29,6%	17,6%
3 con	24,3%	18,5%	19,7%	7,4%	14,9%
4 con trở lên	51,4%	41,0%	34,8%	44,4%	22,2%

Việc sinh nhiều con còn do tâm lý, tập quán của một số dân tộc nhằm bảo vệ và tăng thêm sức mạnh của cộng đồng. Điều này có nguồn gốc lịch sử là xa xưa có tình trạng chiến tranh giữa các bộ tộc. Mặt khác trong tình trạng khó khăn, lạc hậu, việc chăm sóc nuôi dưỡng chưa tốt, phụ thuộc nhiều vào tự nhiên làm cho tỷ lệ chết cao. Để bảo tồn dòng giống và sức mạnh của cộng đồng các dân tộc khuyến khích và ủng hộ việc sinh nhiều con cái.

Phong tục của nhiều dân tộc là nếu chồng chết phải lấy em chồng, vợ chết phải lấy em vợ chính là nhằm bảo vệ tài sản và dòng giống của gia đình tộc họ. Theo kết quả điều tra: phải sinh con cho dân tộc mình là 9,4%, để bù cho tỷ lệ chết là 9,3%.

Mặt khác việc tăng dân số còn do công tác tuyên truyền giáo dục, vận động, tổ chức thực hiện còn thiếu khuyết. Có 26,9% số phiếu trả lời là do yếu kém trong công tác kế hoạch hóa gia đình. Các phương tiện vật chất cho công tác kế hoạch hóa gia đình còn nghèo nàn, ít ỏi. Do tập quán của đồng bào dân tộc nên khó có thể dùng biện pháp thưởng phạt trong việc sinh đẻ như ở người Kinh.

Những nguyên nhân trên đây đã lý giải vì sao ở vùng đồng bào các dân tộc tỷ lệ tăng dân số còn cao hơn ở đồng bằng.

Do dân số tăng nên đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội, thể hiện ở các khía cạnh:

- Trong điều kiện sản xuất còn lạc hậu ở Tây Nguyên thì dân số tăng lên làm cho quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng vốn đã

căng thẳng lại càng căng thẳng hơn. Với mức thu nhập ít ỏi từ sản phẩm của tự nhiên nhưng số nhân khẩu tăng làm cho phần tích lũy lùi về số âm. Thực tế cho thấy có 70 - 80% số hộ gia đình các dân tộc không có tích lũy. Gần đây nhà nước tiến hành giao đất giao rừng cho họ nhưng rất khó khăn trong sản xuất vì thiếu vốn. Không có vốn đầu tư thì nền kinh tế vẫn chủ yếu là hái lượm, năng suất lao động thấp dẫn đến đói kém, trì trệ.

- Dân số tăng nhanh và cao hơn mức tăng trưởng kinh tế làm cho thu nhập bình quân đầu người thấp, trong khi đó lại phải nuôi số người ăn theo thời gian dài làm cho đời sống khó khăn triền miên. So sánh trong phạm vi cả nước ta thấy, năm 1940 chúng ta đã có mức bình quân lương thực đầu người là 280kg nhưng đến 1988 vẫn là 280kg; năm 1995 bình quân tăng lên 340kg. Trong 50 năm nền kinh tế phát triển nhưng dân số tăng cho nên thu nhập bình quân vẫn thấp. Ở Tây Nguyên nền kinh tế kém phát triển trong khi đó dân số tăng nhanh nên thu nhập bình quân đầu người càng thấp. Tình trạng thiếu đói của dân cư khá nhiều. Ở một số nơi nạn thiếu ăn từ 3 - 6 tháng chiếm 40 - 50% số hộ. Người dân phải tự kiếm sống với những gì có được từ trong rừng. Điều này làm cho nạn suy dinh dưỡng và một số bệnh tật phát triển. Đói kém làm cho năng suất lao động thấp, kinh tế trì trệ... Đây là cái vòng luẩn quẩn chưa thể khắc phục được đối với các đồng bào dân tộc Tây Nguyên.

- Dân số tăng nhanh trong khi nền kinh tế kém phát triển đã gây sức ép lớn đến vấn đề y tế, giáo dục. Phụ nữ mang thai, trẻ em sinh ra, lớn lên cần phải chăm sóc, nuôi dạy đòi hỏi nhiều khoản chi phí, nhất là y tế, giáo dục. Nhà nước đã đầu tư cho vấn đề này nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu. Hiện tại mạng lưới y tế cơ sở xuống cấp: thiếu người phục vụ, thiếu thuốc chữa

bệnh. Tình trạng giáo dục càng trầm trọng hơn. Ở một số nơi thiếu trường học, thiếu giáo viên. Nạn bỏ học trong con em các dân tộc trở thành phổ biến. Điều này bắt nguồn từ hai yếu tố:

+ Do phong tục tập quán: đồng bào dân tộc quen sống với cuộc sống dân dã.

+ Do đời sống quá khó khăn: không có tiền chi phí cho con đi học; không có người đi săn bắt hái lượm sẽ ảnh hưởng đến bữa ăn hàng ngày...

Như vậy dân số càng đông trong nền kinh tế kém phát triển thì càng ảnh hưởng đến chất lượng y tế, giáo dục. Những gia đình đông con, nghèo túng càng ít có cơ hội hưởng thụ thành tựu của y tế, giáo dục. Ngược lại y tế, giáo dục không phát triển thì kinh tế cũng bị tụt lùi.

- Dân số tăng cao dẫn đến việc tàn phá môi trường.

Phương thức sản xuất của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên chủ yếu là canh tác nương rẫy. Do địa hình đồi núi dốc nên rừng bị chặt làm cho độ màu bị rửa trôi, đất đai thoái hóa càng nhanh. Mỗi nương rẫy canh tác từ 2 - 3 năm đã bị thoái hóa, năng suất thấp, lại phải tiếp tục phát rẫy mới. Theo đà này thì rừng bị tàn phá nhanh chóng. Dân số tăng lên, cái đói thôi thúc, lại tiếp tục phá rừng tìm kiếm thức ăn. Riêng ở Đaklak từ 1978 - 1981 đã mất đi 114.300ha rừng tự nhiên, bình quân mỗi năm mất 8.793ha. Từ 1992 đến nay, tốc độ mất rừng có giảm nhưng bình quân mỗi năm cũng mất từ 3.000 - 5.000ha. (Báo Lao động ngày 26-10-1995, trang 3). Cứ thế rừng bị lùi dần, đất trống đồi trọc ngày càng tăng, môi trường bị phá hoại gây nên hạn hán, lũ lụt thường xuyên đe dọa cuộc sống con người. Nhà nước có chủ trương định canh định cư, giao đất giao rừng cho đồng bào các dân tộc nhưng chưa có hiệu quả cao vì dân số ngày càng tăng, đời sống đói kém.